TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-ST
Ngày 27-9-2022.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Hoa Lài

2/ Ông Võ Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân. Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST-DS ngày 24/8/2022, Quyết định hoãn phiên toà số 58/2022/QĐST-DS ngày 08/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị D

Địa chỉ: ấp TH, xã TL, huyện CTA, tỉnh H. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị V

Ông Bùi Văn M

Cùng địa chỉ: ấp TH, xã TL, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị D bày: Từ năm 2019 bà Nguyễn Thị V có tham gia nhiều dây hụi do bà làm chủ gồm hụi tháng và hụi mùa. Sau khi tham gia hụi được một thời gian thì bà V đã lần lượt hốt tất cả các chân hụi, bà V có đóng hụi chết lại cho bà nhưng không đầy đủ nên bà đã đóng thay các chân hụi mà bà V đã tham gia, trong thời gian này bà V cũng hỏi mượn tiền của bà nhiều lần. Sau đó bà V có kết nợ với bà và có

làm biên nhận vào ngày 29/3/2020 với số tiền là 40.000.000 đồng, bà V tiếp tục hỏi mượn tiền bà và làm biên nhận nợ ngày 06/05/2020 với số tiền là 20.000.000 đồng, đối với số tiền hụi mà bà V phải đóng lại thì bà đã đóng thay cho bà V tổng cộng là 25.000.000 đồng, các khoản tiền này ông M đều biết và không có nói gì. Đến nay bà V vẫn chưa trả được cho bà phần tiền nào. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V, ông M phải trả cho bà số tiền còn nợ là 85.000.000 đồng, không tính lãi.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Lê Thị V, ông Bùi Văn M vắng mặt nên chưa thể trình bày ý kiến.

Tại phiên toà bà Trần Thị D phát biểu xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà V trả cho bà số tiền còn nợ theo giấy nhận nợ đã ký là 60.000.000 đồng, phần tiền hụi bà đã đóng thay là 25.000.000 đồng bà không yêu cầu giải quyết và chỉ yêu cầu bà V có trách nhiệm trả nợ cho bà không yêu cầu ông M phải cùng trả. Bà Lê Thị V, ông Bùi Văn M tiếp tục vắng mặt nên không thể trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phát biểu:

- Về tố tụng: Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn vắng mặt đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D về việc yêu cầu bà Lê Thị V trả lại số tiền còn nợ là 60.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm buộc bà V phải chịu theo quy quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là bà Lê Thị V, ông Bùi Văn M hiện tại có nơi cư trú tại ấp Trường Hòa, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về xét xử vắng mặt: Bà Lê Thị V, ông Bùi Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa vẫn tiến hành xét xủ vắng mặt đối với bà V, ông M.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về yêu cầu trả tiền của bà D: Bà Trần Thị D kiện cho rằng vào năm 2020 bà V có làm biên nhận thừa nhận nợ bà tổng số tiền là 60.000.000 đồng, hiện tại số tiền này bà V vẫn chưa trả. Quá trình giải quyết Toà án có tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho bà Lê Thị V nhưng bà V không đến Toà tham dự và cũng không thể hiện ý kiến gì về việc khởi kiện của bà D, xem như bà V đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Căn cứ Giấy xác nhận nợ mà bà D cung cấp Toà xác định việc bà V nợ bà D là có thật. Bà D khởi kiện yêu cầu bà V trả tiền còn nợ 60.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về tiền lãi: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà D không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà Lê Thị V phải chịu mức án phí có giá ngạch đối với số tiền buộc trả.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa xét thấy có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị D. Buộc bà Lê Thị V phải trả cho bà Trần Thị D với số tiền còn nợ 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Thị D về việc yêu cầu bà Lê Thị V, ông Bùi Văn M trả số tiền 25.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Buộc bà Lê Thị V phải chịu 3.000.000 (Ba triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị D được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không được hoàn lại.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành A.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

Trần Minh Mẫn